

# MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TIẾP CẬN TÀI CHÍNH SAU KHI AEC HÌNH THÀNH

Phạm Văn Hồng\*

Ngày nhận: 7/01/2016

Ngày nhận bản sửa: 25/01/2016

Ngày duyệt đăng: 25/02/2016

## Tóm tắt:

*Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được hình thành đã và đang tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) của Việt Nam. Bên cạnh các cơ hội như sẽ có nhiều kênh huy động nguồn vốn quốc tế với số lượng phong phú và đa dạng hơn; có nhiều cơ hội tiếp nhận luồng đầu tư mới; được hưởng chất lượng dịch vụ tài chính tốt hơn... thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng phải đối mặt với nhiều thách thức mới như yêu cầu cao hơn về tính minh bạch trong hoạt động tài chính, phải chấp nhận các nguyên tắc và chuẩn mực tài chính quốc tế khắt khe hơn... Thông qua việc phân tích và đánh giá thực trạng các chính sách hỗ trợ tài chính của Chính phủ dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đánh giá cơ hội và thách thức, cũng như những tác động của AEC đến khía cạnh vốn và tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các nguồn tài chính tốt hơn, có hiệu quả hơn sau khi AEC hình thành.*

**Từ khóa:** AEC; ASEAN; doanh nghiệp nhỏ và vừa; thị trường tài chính; hội nhập; cơ hội và thách thức.

## Recommendations on supporting Small and Medium Enterprises in access financial opportunities after establishment of AEC

### Abstract

*The ASEAN Economic Community (AEC) has been officially formed in late 2015, creating more opportunities and challenges for Vietnamese small and medium enterprises (SMEs). The SMEs will have more channels to mobilize international capital, more opportunities to receive new investment flow, and to get the financial services with higher quality. At the same time, they will face various challenges, such as strictly requirements for transparency, will have to follow the strict international financial principles and standard. By evaluating the current situation of financial assistance policies to SMEs from the Vietnamese Government, along with opportunities and challenges in terms of financial aspects, the article proposes recommendations to support SMEs to access international capitals after AEC was formed.*

*Keywords: AEC; SMEs; ASEAN; financial market; integration; opportunities and challenges.*

## 1. Giới thiệu

Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đương đầu với sức ép cạnh tranh lớn khi AEC chính thức hình thành, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam yếu hơn các doanh nghiệp ASEAN về qui mô vốn, về năng lực thiết bị, trình độ công nghệ, kỹ năng quản lý, trình độ lao động lành nghề... Để đạt

được mục tiêu mà ASEAN đặt ra khi hình thành AEC thì thị trường vốn và tài chính có vai trò quan trọng, quyết định đến sự thành bại của AEC. Để đảm bảo vận hành thông suốt thị trường chung, các nước trong AEC đã thống nhất xây dựng lộ trình hội nhập tài chính gồm: Tự do hóa dịch vụ tài chính, tự do hóa tài khoản vốn và phát triển thị trường vốn,

xây dựng hệ thống thanh toán chung. Việc tự do hóa dòng chu chuyển đầu tư và tự do hóa dòng vốn, AEC được kỳ vọng sẽ đem lại cơ hội cho sự phát triển thị trường tài chính, cho nền kinh tế của các nước AEC nói chung và cho Việt Nam nói riêng. Với đặc điểm hạn chế về năng lực cạnh tranh, hạn chế về quy mô vốn, trình độ lao động không cao, khoa học công nghệ lạc hậu... các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam hiện nay sẽ tìm kiếm được những cơ hội gì và cần chuẩn bị gì để đối phó với các thách thức khi AEC chính thức hình thành, là câu hỏi cần được đặt ra và trả lời.

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc thu thập và phân tích các tài liệu hiện có liên quan đến AEC và các doanh nghiệp nhỏ và vừa như các hiệp định chung và hiệp định chuyên ngành trong AEC, các công trình nghiên cứu, các báo cáo về tác động của AEC đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu cũng tiến hành tham vấn ý kiến các chuyên gia, các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách nhằm đánh giá cơ hội và thách thức, những tác động trực tiếp và gián tiếp, ngắn hạn và dài hạn của AEC đến khía cạnh vốn và tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, từ đó, đưa ra một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các nguồn tài chính tốt hơn, có hiệu quả hơn sau khi AEC hình thành.

## **2. AEC - Những vấn đề đặt ra đối với thị trường tài chính Việt Nam**

Mục tiêu cốt lõi của AEC là phát triển kinh tế ổn định, thịnh vượng, có tính cạnh tranh cao và hội nhập nền kinh tế toàn cầu. AEC với 4 mục tiêu chính là: (1) xây dựng một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất; (2) khu vực kinh tế có khả năng cạnh tranh cao; (3) phát triển kinh tế đồng đều; (4) hội nhập hiệu quả vào nền kinh tế toàn cầu. Trong đó, mục tiêu trở thành một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất đang được ASEAN thúc đẩy mạnh. AEC thành lập sẽ đưa ASEAN trở thành một thị trường chung thống nhất với sự dịch chuyển hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động và sự luân chuyển vốn tự do hơn. Với việc thực hiện lộ trình các cam kết từ AEC trong lĩnh vực tài chính, thị trường tài chính Việt Nam sẽ trở nên liên thông với thị trường các nước AEC, sẽ đem đến nhiều cơ hội song cũng đặt ra không ít thách thức đối với thị trường tài chính trong nước.

Việc xóa bỏ rào cản và sự khác biệt giữa các quốc gia trong khối là để tạo ra thị trường bình đẳng cho

các công ty trong nước với các công ty nước ngoài. Hiện nay, đối với lĩnh vực ngân hàng, giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 30%, đối với lĩnh vực bảo hiểm và chứng khoán là 49%. Tuy nhiên, theo cam kết về tự do hóa dịch vụ, từ năm 2015 các nước sẽ phải mở cửa tất cả các ngành dịch vụ với mức quy định tối thiểu có 70% vốn nước ngoài tham gia (Ngân hàng nhà nước, 2014). Như vậy, các nhà đầu tư từ các nước thành viên AEC có thể tham gia sâu hơn vào thị trường bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán của Việt Nam và ngược lại. Đây là cơ hội cũng như những thách thức lớn đặt ra cho thị trường tài chính Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Hội nhập tài chính AEC sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị phần và tiếp cận các công nghệ quản trị tiên tiến. Hiện nay, một số ngân hàng Việt Nam cũng đã có mặt ở thị trường các nước ASEAN và đang nỗ lực mở rộng cơ hội đầu tư ra ngoài lãnh thổ (Ngân hàng nhà nước, 2014). Xu hướng này sẽ tiếp tục tăng lên khi AEC chính thức đi vào hoạt động. Tuy nhiên, việc mở rộng thị phần của các ngân hàng Việt Nam nói riêng và ngành dịch vụ tài chính nói chung cũng chịu áp lực cạnh tranh không nhỏ từ các nước lớn trong ASEAN.

Bên cạnh những cơ hội mang lại rõ ràng cho thị trường tài chính Việt Nam, một số thách thức cũng xuất hiện, đòi hỏi Chính phủ và Ngân hàng nhà nước phải có giải pháp. Tự do hóa dịch vụ tài chính, tự do hóa tài khoản vốn có thể làm gia tăng bất ổn cho thị trường và hệ thống tài chính. Sự gia tăng dòng vốn, đặc biệt từ nước ngoài vào cũng làm gia tăng mối lo về giá tài sản và cũng như việc điều hành chính sách tiền tệ độc lập. Bên cạnh đó, dòng vốn được tự do luân chuyển sẽ làm tăng nguy cơ đảo chiều rút vốn đột ngột, đặc biệt với quy mô lớn sẽ là nguyên nhân mất ổn định đối với thị trường tài chính. Sự tham gia của các định chế tài chính, các tập đoàn tài chính lớn vào thị trường sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh cho thị trường tài chính trong nước. Tự do hóa thị trường tài chính trong điều kiện chuẩn mực quản lý còn yếu kém, làm cho vấn đề bất đối xứng về thông tin trên thị trường tài chính trở nên trầm trọng hơn và có thể làm cho thị trường tài chính của Việt Nam thiếu tính đồng bộ.

## **3. Thực trạng các chính sách hỗ trợ tài chính của Chính phủ dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

### **3.1. Khái quát về thực trạng doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Tại Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo 2 tiêu thức cơ bản là quy mô vốn và lao động, trong đó tiêu thức quy mô vốn là tiêu thức được ưu tiên. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa được hiểu là: *Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân năm. Trong đó tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên*<sup>1</sup>.

Hiện Việt Nam có hơn 724.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm khoảng 97,5% tổng số các doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho 51% lực lượng lao động cả nước (GSO, 2014; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2014). Đặc điểm chung của các doanh nghiệp nhỏ và vừa là ít vốn và hoạt động chủ yếu trong các ngành sử dụng nhiều lao động. Doanh nghiệp nhỏ và vừa không chỉ góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người lao động, tạo nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước mà còn góp phần hạn chế tệ nạn xã hội, khai thác được nguồn nhân lực dồi dào của đất nước. Bên cạnh những đặc điểm thuộc thể mạnh như: vốn đầu tư ban đầu ít, thu hồi vốn nhanh và hiệu quả; bộ máy tổ chức, quản lý sản xuất gọn nhẹ; có khả năng thâm nhập vào những thị trường ngách và lĩnh vực sản xuất kinh doanh có lợi nhuận không cao; khả năng ứng biến linh hoạt... Doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng có những hạn chế như tồn tại và phát triển tự phát, nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết về kinh tế và kỹ thuật; trình độ quản lý và năng lực tài chính hạn chế, thị trường nhỏ hẹp và khả năng cạnh tranh không cao... Những điểm yếu này khiến cho doanh nghiệp nhỏ và vừa rất nhạy cảm trước những thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2014).

Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thông thường nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như vay từ bạn bè, người thân, vốn tự có, vốn vay ngân hàng... Tuy nhiên, việc huy động vốn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng là khó khăn, lý do có thể do họ không có các điều kiện về tài sản đảm bảo hoặc họ gặp khó khăn trong quá trình hoàn thiện thủ tục vay vốn cũng như gặp phải những tiêu cực trong quá trình vay vốn. Kênh huy động vốn khác trên thị trường như phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc tự huy động vốn thì phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường không có đủ điều kiện và uy tín. Theo kết quả khảo sát của Viện Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa, tính

đến hết tháng 5/2014, tỷ trọng dư nợ khu vực các doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ chiếm 25% tổng dư nợ toàn nền kinh tế; có khoảng 24,4% số các doanh nghiệp nhỏ và vừa được vay vốn tín dụng; gần 70% là vay ngắn hạn; gần 90% vay bằng nội tệ; tỷ lệ nợ xấu luôn xu hướng tăng (trên 5%). Trong khi đó tổng giá trị tài sản đảm bảo lại tăng bình quân 7% suốt 03 năm qua và tỷ trọng tài sản đảm bảo so với tổng dư nợ tăng đáng kể. Điều này cho thấy mức độ tín nhiệm chung về tín dụng thấp và ràng buộc điều kiện tín dụng cao đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Phạm Ngọc Long, 2015).

Không chỉ khó khăn về tiếp cận vốn vay mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khó khăn trong việc tiếp cận bảo lãnh và được bảo lãnh, tỷ lệ rủi ro bảo lãnh cao. Những năm gần đây, thực tế cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa được bảo lãnh vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) vẫn thấp cả về số lượng cũng như giá trị bảo lãnh. Tỷ lệ rủi ro bảo lãnh cao tới 26,96%. Tỷ lệ từ chối trả thay của VDB cũng khá cao, tới 18,63% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng của các ngân hàng thương mại thông qua bảo lãnh của VDB ngày càng hạn chế. Thậm chí 03 năm gần đây không có trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa được bảo lãnh vay qua VDB (Ngân hàng phát triển Việt Nam, 2014).

Mặc dù cho đến nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn có chủ trương định hướng giảm tiếp mặt bằng lãi suất thêm 1-1,5% (Ngân hàng nhà nước, 2014), nhưng các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp khó khăn khi vay vốn do tỷ suất lợi nhuận kinh doanh thấp, thị trường tiêu thụ hàng hóa khó khăn, tồn kho cao, nhiều lĩnh vực, ngành hàng vẫn thua lỗ, không thể thế chấp bằng tài sản hàng hóa, trong khi rất ít doanh nghiệp nhỏ và vừa có giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ).

### **3.2. Các chính sách hỗ trợ tài chính của Chính phủ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Trước những khó khăn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chính phủ đã ban hành hàng loạt các chính sách và chương trình hỗ trợ khác nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số chính sách điển hình bao gồm:

#### *Tín dụng ngân hàng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Ngân hàng Nhà nước liên tục thực hiện các biện pháp điều chỉnh chính sách tiền tệ để kiểm soát hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng theo hướng tập trung phục vụ các nhu cầu vốn đối với các doanh

nh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng của khu vực này vẫn chưa cao vì các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tỷ suất lợi nhuận kinh doanh thấp, thị trường tiêu thụ hàng hóa khó khăn, tồn kho cao, nhiều lĩnh vực, ngành hàng vẫn thua lỗ, không thể thế chấp bằng tài sản hàng hóa để thực hiện các hoạt động tín dụng ngân hàng. Do đó chính sách hỗ trợ tài chính thông qua tín dụng ngân hàng vẫn chưa triệt để và đến với tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang thiếu vốn và thiếu cả tài sản thế chấp.

*Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại*

Ngân hàng phát triển Việt Nam đã xem xét thẩm định, chấp thuận bảo lãnh và phát hành hơn 1.500 chứng thư bảo lãnh cho các doanh nghiệp (trong đó, gần 100% khách hàng là doanh nghiệp nhỏ và vừa) với giá trị bảo lãnh gần 11.000 tỷ đồng (Ngân hàng phát triển Việt Nam, 2014). Tuy nhiên trong những năm gần đây, tỷ lệ các doanh nghiệp nhỏ và vừa được bảo lãnh vay vốn từ VDB vẫn thấp cả về số lượng cũng như giá trị bảo lãnh. Tỷ lệ rủi ro bảo lãnh cao tới 26,96%. Tỷ lệ từ chối trả thay của VDB cũng khá cao, tới 18,63%. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng của các ngân hàng thương mại thông qua bảo lãnh của VDB ngày càng hạn chế. Thậm chí trong 3 năm gần đây không có trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa được bảo lãnh vay qua VDB.

*Về Quỹ bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa phương*

Tính đến năm 2013, cả nước có 15 địa phương đã thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng<sup>2</sup>. Tuy nhiên, chỉ một số Quỹ bước đầu hoạt động có hiệu quả nhất định như Tp. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc... Tổng số vốn điều lệ của các Quỹ là 575 tỷ đồng (cao nhất là Tp. Hồ Chí Minh: 194,5 tỷ đồng; thấp nhất là Bắc Ninh: 21,9 tỷ đồng). Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện, việc hỗ trợ giải quyết khó khăn về tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mô hình này hiệu quả chưa cao, còn gặp nhiều khó khăn trong huy động các nguồn vốn cho Quỹ, vướng mắc trong thành lập, tổ chức và điều hành Quỹ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2014).

*Về Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và Quyết định số 601/QĐ-

TTg ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập với số vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa, nhằm mục đích hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án, phương án sản xuất - kinh doanh khả thi thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích của Nhà nước, phù hợp với mục đích hoạt động của Quỹ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần làm tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên, hiện nay tác động của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa thực sự rộng rãi do phải là doanh nghiệp nằm trong danh mục các lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ theo quy định mới thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ. Đồng thời với giới hạn về mức vốn vay (không quá 70% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án), thời hạn cho vay (không quá 7 năm) và lãi suất cho vay chưa thực sự hấp dẫn nên cũng có những khó khăn ràng buộc khiến cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa không tiếp cận được vốn vay theo chương trình hỗ trợ của Chính phủ.

*Về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu*

Đối tượng thụ hưởng là các doanh nghiệp nói chung, không ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các doanh nghiệp vay vốn tại VDB thuộc các ngành nghề, lĩnh vực: kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội; nông nghiệp nông thôn; công nghiệp; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; dự án cho vay theo Hiệp định Chính phủ, dự án đầu tư ra nước ngoài... Như vậy, doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng là đối tượng chung được hưởng những chính sách hỗ trợ của Chính phủ về tín dụng cho các hoạt động đầu tư và hoạt động xuất khẩu nói chung. Giai đoạn 2006- 2014, chỉ có khoảng 72 dự án/năm được tiếp cận vốn vay tín dụng đầu tư với số vốn vay khoảng 43 tỷ đồng/dự án (trong đó chủ yếu đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng giao thông, cung cấp điện nước, công nghiệp điện tử, cơ khí, khai thác). Về tín dụng xuất khẩu, VDB mới hỗ trợ được 162 doanh nghiệp nhỏ và vừa với tổng doanh số cho vay gần 17.000 tỷ đồng để thực hiện các hợp đồng xuất khẩu sang hơn 120 nước (Ngân hàng phát triển Việt Nam, 2014).

*Các chính sách khác*

Ngoài các chính sách hỗ trợ tài chính trọng điểm, Chính phủ đã có những chính sách tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại các vùng khó



khẩn (Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg); các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động tại khu vực nông thôn (Nghị định số 41/2010/NĐ-CP và 61/2010/NĐ-CP); tiếp cận vốn từ các quỹ chuyên ngành (Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khuyến công, Quỹ khuyến nông, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia...). Ngoài ra, để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn do suy thoái kinh tế trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã có nhiều biện pháp hỗ trợ về lãi suất, miễn, giảm, giãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Bên cạnh những kết quả thu được thì các chính sách này cũng chỉ tập trung ưu tiên cho những đối tượng cụ thể mà không phổ rộng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, đồng thời quy mô các quỹ còn hạn chế.

#### **4. Cơ hội và thách thức về khía cạnh vốn và tài chính đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa khi AEC hình thành**

AEC được hình thành sẽ có tác động lớn đối với thị trường tài chính Việt Nam và từ đó tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, đặc biệt khía cạnh vốn và tài chính- một trong những khó khăn lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi AEC hình thành là rõ ràng và các doanh nghiệp cũng nhận thức rõ điều đó. Số liệu khảo sát cho thấy có 71,6% doanh nghiệp đánh giá cao các cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu khi AEC hình thành, 63,5% doanh nghiệp cho rằng sẽ có nhiều hơn các cơ hội hợp tác kinh doanh hơn giữa các doanh nghiệp đến từ các quốc gia trong ASEAN, 50% doanh nghiệp kỳ vọng nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn của Chính phủ thông qua các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mà AEC đang triển khai thực hiện (Vương Đức Hoàng Quân, 2015). Tuy nhiên, xét trên khía cạnh vốn và tài chính, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có một số cơ hội và thách thức cơ bản sau:

##### **4.1. Cơ hội**

###### *Tăng cơ hội tiếp nhận thêm vốn đầu tư*

Cơ hội được trông đợi nhất từ các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam là sự đầu tư và hợp tác đến từ các nền kinh tế lớn. Việc kết nối và xây dựng một ASEAN thống nhất, bớt chia cắt sẽ khiến cho các nhà đầu tư lớn nhìn ASEAN như một sân chơi chung, một công xưởng chung mà ở đó có khối

nguồn lực thống nhất. Từ đó thu hút lượng vốn đầu tư lớn vào thị trường ASEAN trong đó có Việt Nam, làm tăng cơ hội tiếp nhận vốn đầu tư của các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ có cơ hội khắc phục được khó khăn về vốn, gia tăng các dòng vốn đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp vào Việt Nam.

###### *Tiếp cận nguồn vốn lớn từ thị trường tài chính quốc tế*

Khi hội nhập thị trường tài chính ASEAN, thực hiện cam kết tự do hóa tài khoản vốn sẽ mang lại cơ hội tiếp cận với nguồn vốn lớn từ hệ thống tài chính quốc tế. Với việc đổi mới cơ chế chính sách về vay, trả nợ nước ngoài theo hướng tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp trong nước và bổ sung, hoàn thiện chính sách đối với các giao dịch vay nợ nước ngoài mới phát sinh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam có điều kiện đàm phán và vay vốn từ nước ngoài để đáp ứng các nhu cầu hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

###### *Đa dạng hóa kênh huy động vốn*

Cơ chế “mở” hơn đối với các giao dịch vốn cũng tạo điều kiện đa dạng hóa các kênh huy động vốn và hoạt động tài chính. Bên cạnh các kênh huy động vốn truyền thống như vay ngân hàng, vay nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam ngày càng có điều kiện gia tăng vốn thông qua hoạt động phát hành công cụ nợ, niêm yết cổ phiếu trên thị trường quốc tế; phát hành công cụ nợ cho người không cư trú trong nước... các hoạt động bảo lãnh của người không cư trú dưới nhiều hình thức như bảo lãnh phát hành trái phiếu trong nước được mở rộng nhằm tăng độ tin cậy và giảm chi phí phát hành trái phiếu huy động vốn cho các doanh nghiệp trong nước.

###### *Cơ hội vươn ra thị trường nước ngoài theo tiến trình tự do hóa các giao dịch vốn*

Tự do hóa giao dịch vốn cùng với việc triển khai các cam kết tự do hóa về đầu tư của các nước thành viên AEC là một cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam vươn ra thị trường khu vực tìm kiếm lợi nhuận từ những thị trường mới. Khi tham gia hoạt động đầu tư ở nước ngoài, nhờ có tiến trình tự do hóa các giao dịch vốn, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ tận dụng tối đa các cơ hội phát triển sản xuất kinh doanh mà không quan ngại về các hạn chế về dịch chuyển các dòng vốn như các hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài hoặc chuyển lợi nhuận và vốn đầu tư về nước...

*Được hưởng chất lượng dịch vụ tài chính tốt hơn*

Việc tự do hóa tài khoản vốn giúp tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh hơn góp phần nâng cao hiệu quả của hệ thống tài chính trong nước. Việc dỡ bỏ các rào cản trong việc cung ứng các dịch vụ tài chính và tự do hóa các giao dịch vốn đã dẫn tới việc tăng lên về quy mô của khu vực tài chính. Sự tham gia của các tổ chức tài chính quốc tế vào Việt Nam làm tăng tính cạnh tranh trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính; thúc đẩy các tổ chức tài chính trong nước tăng cường đổi mới hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ và từ đó làm tăng cơ hội tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **4.2. Thách thức**

*Kiểm soát thông tin và phòng ngừa rủi ro tài chính của doanh nghiệp*

AEC hình thành sẽ tạo nên sự đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư, các hình thức thương mại quốc tế, các nghiệp vụ tài chính phức tạp xuất phát từ sự thâm nhập của các nhà đầu tư nước ngoài và định chế tài chính quốc tế đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước cần phải tăng cường tìm hiểu các thông tin, sử dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cần thiết trong quá trình hợp tác về thương mại, đầu tư và tiếp nhận đầu tư quốc tế.

*Tính bất ổn của dòng vốn đầu tư và thị trường tiền tệ ảnh hưởng đến tính chủ động của doanh nghiệp*

Tự do hóa dòng vốn có thể gây ra sự biến động bất thường của các dòng vốn, tác động bất lợi đến cung cầu ngoại tệ trong nước và tạo sức ép tính ổn định của đồng bản tệ. Sự bất ổn của thị trường tiền tệ, tỷ giá hối đoái do tác động của việc luân chuyển các dòng vốn quốc tế giữa các quốc gia có thể là một yếu tố bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, ảnh hưởng tính chủ động nguồn vốn kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa vốn đang rất khó khăn vì thiếu vốn đầu tư.

#### **5. Một số khuyến nghị nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận các nguồn tài chính khi AEC hình thành**

Như đã phân tích ở trên, khi AEC hình thành sẽ tạo nhiều cơ hội cũng như những thách thức cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Để giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tiếp cận thành công các cơ hội cũng như các nguồn lực tài chính do AEC mang lại, tác giả đề xuất một số khuyến nghị sau:

*Một là, cần tuyên truyền phổ biến về AEC để các doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm bắt được rõ ràng những cơ hội và thách thức do AEC mang lại; lộ trình thực hiện các hiệp định; sự tác động của thị trường tài chính ASEAN đến thị trường tài chính Việt Nam và các doanh nghiệp... Khi và chỉ khi các doanh nghiệp nhỏ và vừa nắm rõ về AEC, thì khi đó mới có cơ hội thành công trong việc tận dụng các cơ hội do AEC mang lại.*

*Hai là, cần đánh giá và tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp hỗ trợ tài chính dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mà Chính phủ đang thực hiện. Như trên đã phân tích, Chính phủ đã và đang thực hiện rất nhiều biện pháp hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nhiều năm qua như bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn ngân hàng, thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng, quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, ưu đãi tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu... Nhiều biện pháp phát huy hiệu quả, nhưng cũng có nhiều biện pháp còn hạn chế, gây lãng phí nguồn lực do chính sách, các quy định còn chồng chéo, thủ tục hành chính còn chông chéo, phức tạp. Cần thiết phải rà soát, đánh giá lại hiệu quả mỗi chính sách, mỗi cơ chế để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh mới của quá trình hội nhập kinh tế.*

*Ba là, cần thực hiện triệt để các biện pháp nhằm minh bạch hóa quá trình kinh doanh, chuẩn hóa công tác kế toán, tài chính. Hội nhập quốc tế, tham gia chung trên cùng một thị trường với các nền kinh tế đã phát triển và hoàn thiện trong AEC (đặc biệt là ASEAN 6), đòi hỏi Chính phủ và các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nỗ lực để minh bạch hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực như kế toán, tài chính, hệ thống quản lý, tiêu chuẩn chất lượng, chỉ số kỹ thuật... theo tiêu chuẩn mà AEC chấp nhận. Khi đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ có cơ hội để “đu chuẩn” tham gia tiếp cận thành công các nguồn lực tài chính do AEC mang lại.*

*Bốn là, thành lập Quỹ xúc tiến, mở rộng thị trường quốc tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được tài trợ qua quỹ hỗ trợ xuất khẩu, nhằm cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ tổ chức triển lãm và quảng bá... Trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh cao khi gia nhập AEC, việc thúc đẩy năng lực đầu tư xuất khẩu cho các doanh nghiệp vươn ra thị trường ASEAN là quan trọng. Do đó, việc xem xét thành lập quỹ này giúp khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa có những dự án lớn mở rộng ra*

các nước trong khu vực là cần thiết nhằm tăng cơ hội thâm nhập thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Năm là, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tập trung đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, nâng cao năng lực cạnh tranh. Bên cạnh những chính sách hỗ trợ của Chính phủ về đổi mới công nghệ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chủ động hơn nữa trong việc tận dụng các nguồn lực của Chính phủ để đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp. Nếu không ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, các doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ khó có thể đảm bảo việc minh bạch hóa quá trình kinh doanh, khó có thể đáp ứng được các yêu cầu của AEC đặt ra, dẫn đến các khó khăn, cản trở trong việc tiếp cận các nguồn tài chính và vốn mà AEC mang lại.

#### Ghi chú:

1. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định chi tiết tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ Việt Nam, theo đó, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lao động ít hơn 10 người; doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có số vốn ít hơn 20 tỷ đồng và số lao động từ 10 đến 200 người; doanh nghiệp vừa là doanh nghiệp có số vốn từ 20 tỷ đồng và số lao động từ trên 200 đến 300 người.
2. Các địa phương đã thành lập Quỹ bao gồm: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Hà Giang, Yên Bái, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Ninh Thuận, Bình Thuận, Trà Vinh, Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Tây Ninh, Cần Thơ, Sóc Trăng.

#### Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2014*. Hà Nội, NXB Thống kê.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), *Báo cáo về cam kết hợp tác về luân chuyển vốn trong AEC và định hướng chính sách quản lý ngoại hối*, Diễn đàn Kinh tế Mê Kông ngày 17/10/2014.

Ngân hàng phát triển Việt Nam (2014), *Báo cáo tài chính 2014*.

Phạm Ngọc Long (2015), *Khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong AEC*, Tạp chí Tài chính online, truy cập từ: <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/trao-doi—binh-luan/kha-nang-tiep-can-von-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua-trong-aec-63825.html>

Tổng Cục Thống kê [GSO] (2014), *Niên Giám Thống kê 2014*.

Vương Đức Hoàng Quân (2015), 'Nhận thức của các doanh nghiệp TP Hồ Chí Minh về Cộng đồng Kinh tế ASEAN', *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, 20, 11-16.

---

#### Thông tin tác giả:

\***Phạm Văn Hồng**, Tiến sỹ

- *Tổ chức tác giả công tác: Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics*

- *Lĩnh vực nghiên cứu: Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Lý thuyết quản trị; Quản trị doanh nghiệp; Hành vi tổ chức; Kỹ năng lãnh đạo.*

- *Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Công Thương- Bộ Công thương; Tạp chí Khoa học (Đại học Hải Phòng).*

- *Địa chỉ Email: phamvanhong@viettronics.edu.vn;*

#### 6. Kết luận

Cộng đồng kinh tế AEC được thành lập là một mốc sự kiện có ý nghĩa to lớn, trong đó có sự hình thành thị trường tài chính ASEAN và việc hội nhập thị trường tài chính của các quốc gia trong khu vực. AEC sẽ tác động toàn diện lên mọi hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, từ thị trường, vốn, lao động, quản lý, công nghệ... trong đó, tài chính là lĩnh vực nhạy cảm và sẽ bị tác động sớm nhất. Vì vậy, không chỉ Chính phủ, mà trước tiên là các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chủ động thích ứng với tình hình mới. Đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn từ quá trình hình thành AEC và thị trường tài chính ASEAN, đòi hỏi Chính phủ phải có những giải pháp tăng cường các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam tiếp cận thành công các nguồn lực tài chính và vốn do AEC mang lại; từ đó tận dụng được những cơ hội và đối phó với những thách thức sao cho có thể đứng vững trên thị trường trong nước và từng bước phát triển mở rộng thị trường ra nước ngoài. □